

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Sâm**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Quách Trung Sơn**

2. **Ông Trần Văn Nhu**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **16** tháng **01** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 635/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2023 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Anh Võ Thanh T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thùy Tr**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T xin vắng; chị Tr vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/10/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Thanh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên anh T và chị Ngân xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức Đông số 33/2026 ngày 17/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn thường hay cự cãi, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm sống, chị Tr tự ý bỏ nhà đi nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Do anh T không còn tình cảm gì với chị Tr, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên yêu cầu ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị Ngọc Hân, sinh ngày 14/12/2004, Võ Thanh Hào, sinh ngày 26/9/2009 và Võ Thanh Hiền, sinh ngày 24/10/2018 khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Hào và cháu Hiền, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Hân đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và không có mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và nuôi con chung với chị Tr, bị đơn chị Tr có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Võ Thanh T xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Tr là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên anh T và chị Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, đến ngày 17/6/2016 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức Đông. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn cự cãi, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị Tr tự ý bỏ nhà đi không về nên vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2022 cho đến nay, do không còn tình cảm nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Xét, sau khi Toà án thụ lý vụ án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị Tr để thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của anh T, nhưng chị Tr không có ý kiến gì và không có mặt tham gia các phiên hoà giải và tham dự phiên tòa, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Chị Tr không đến dự phiên tòa là chị mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng anh T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Tr. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Võ Thị Ngọc Hân, sinh ngày 14/12/2004, Võ Thanh Hào, sinh ngày 26/9/2009 và Võ Thanh Hiền, sinh ngày 24/10/2018 khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hòa, cháu Hiền. Riêng cháu Hân đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết. Xét, chị Tr không có ý kiến hay yêu cầu về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và từ khi anh T và chị Tr sống ly thân cho đến nay con chung do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặc khác, cháu Hòa, cháu Hiền cũng có nguyện vọng được sống chung với anh T. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung nên cần giao cháu Hòa, cháu Hiền cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy Tr.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Thanh Hào, sinh ngày 26/9/2009 và Võ Thanh Hiền, sinh ngày 24/10/2018 cho anh Võ Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu. Chị Tr có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Võ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013083 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như anh T đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Võ Thanh T, Chị Nguyễn Thị Thùy Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Sâm**